

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ**  
(Ngày 28 tháng 10 năm 2025)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **LÙ THỊ PHƯƠNG THẢO**; Ngày tháng năm sinh: 16/02/1989
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non số 2 Mường Mươn
- Nơi thường trú: Bản Púng Giắt 2 – xã Mường Pồn– tỉnh Điện Biên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 011189002717, ngày cấp: 28/04/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập: Không

- Họ và tên: **NGUYỄN ĐỨC NGỌC** Ngày tháng năm sinh: 26/01/1985
- Nghề nghiệp: Nhân viên thống kê
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: Thống kê cơ sở Na Sang - Thống kê tỉnh Điện Biên
- Nơi thường trú: Bản Púng Giắt 2 – xã Mường Pồn– tỉnh Điện Biên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 0110850022369; ngày cấp: 14/02/2025 ; Nơi cấp: Bộ công an.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Lù Gia Mạnh** Ngày tháng năm sinh: 08/07/2008.
- Nơi thường trú: Bản Púng Giắt 2 – xã Mường Pồn– tỉnh Điện Biên .
- Số căn cước công dân: 011208001262; Ngày cấp 03/08/2024 Nơi cấp: Bộ công an

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: **Nguyễn Thảo An**; Ngày tháng năm sinh: 16/11/2019
- Nơi thường trú: Bản Púng Giắt 2 – xã Mường Pồn– tỉnh Điện Biên .
- Số căn cước công dân: 011319004030; Ngày cấp 15/07/2024 Nơi cấp: Bộ công an

3.3. Con thứ ba:

- Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Thảo Linh**; Ngày tháng năm sinh: 29/09/2024
- Nơi thường trú: Bản Púng Giắt 2 – xã Mường Pồn– tỉnh Điện Biên .
- Số căn cước công dân: 011324003710; Ngày cấp 10/12/2024 Nơi cấp: Bộ công an

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN<sup>(5)</sup>**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

### 1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>:

#### 1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Bản Púng Giắt 2 – xã Mường Pồn– tỉnh Điện Biên
- Diện tích<sup>(9)</sup>: 100 m<sup>2</sup>
- Giá trị<sup>(10)</sup>: 45.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: Làm nhà ở, Đất do 2 vợ chồng tự mua ngày 20 tháng 09 năm 2021.

#### 1.1.2. Thửa thứ 2 : Không có

### 1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>: Không có

## 2. Nhà ở, công trình xây dựng:

### 2.1. Nhà ở:

- Địa chỉ: Bản Púng Giắt 2 – xã Mường Pồn– tỉnh Điện Biên
- Loại nhà<sup>(14)</sup>: tự xây, nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng <sup>(15)</sup>: 65 m<sup>2</sup>
- Giá trị<sup>(10)</sup>: 200 triệu đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu.
- Thông tin khác (nếu có): Nhà do 2 vợ chồng xây ngày 22/10/2021

### 2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>: Không

## 3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: Không

### 3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>: Không

- Loại cây: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại cây: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

### 3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>: Không

- Loại rừng: ..... Diện tích: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại rừng: ..... Diện tích: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

### 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không

- Tên gọi: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Tên gọi: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

## 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: Không

## 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: Không

## 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

### 6.1. Cổ phiếu: Không

- Tên cổ phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....
- Tên cổ phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

### 6.2. Trái phiếu: Không

- Tên trái phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....
- Tên trái phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp <sup>(22)</sup>: Không

- Hình thức góp vốn: ..... Giá trị: .....
- Hình thức góp vốn: ..... Giá trị: .....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác <sup>(23)</sup>: Không

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị: .....
- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị: .....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>: Không

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>: Không

- Tên tài sản: ..... Năm bắt đầu sở hữu: ..... Giá trị: .....
- Tên tài sản: ..... Năm bắt đầu sở hữu: ..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: Không

**10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: 336 triệu đồng**

- Tổng thu nhập của người kê khai: 218.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 118.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không
- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (29)** (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp khác

| Loại tài sản, thu nhập                                                                                                 | Tăng (30)/giảm (31) |                           | Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                        | Số lượng tài sản    | Giá trị tài sản, thu nhập |                                                                      |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất                                                                                   |                     |                           |                                                                      |
| 1.1. Đất ở                                                                                                             | Không               |                           |                                                                      |
| 1.2. Các loại đất khác                                                                                                 | Không               |                           |                                                                      |
| 2. Nhà ở, công trình xây dựng                                                                                          |                     |                           |                                                                      |
| 2.1. Nhà ở                                                                                                             | Không               |                           |                                                                      |
| 2.2. Công trình xây dựng khác                                                                                          | Không               |                           |                                                                      |
| 3. Tài sản khác gắn liền với đất                                                                                       |                     |                           |                                                                      |
| 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất                                                                                        | Không               |                           |                                                                      |
| 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất                                                                                    | Không               |                           |                                                                      |
| 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên                 | Không               |                           |                                                                      |
| 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ | Không               |                           |                                                                      |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                |                |                                                                     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------|
| chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.<br>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):<br>6.1. Cổ phiếu<br>6.2. Trái phiếu<br>6.3. Vốn góp<br>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<br>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:<br>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<br>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).<br>8. Tài sản ở nước ngoài.<br><br>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai(32). | Không<br><br>Không<br>Không<br>Không<br><br>Không<br><br>Không | 336 triệu đồng | Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp từ tháng 1 đến tháng 10/2025 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------|

Mường Pôn, ngày 30 tháng 10 năm 2025  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**

**Nguyễn Thị Lan Hương**

Mường Pôn, ngày 28 tháng 10 năm 2025  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Lù Thị Phương Thảo**

